

Số: 198 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 21 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 272/TTr-STNMT ngày 19/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 18 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau và 15 thủ tục hành chính bị bãi bỏ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/8/2016, Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 (kèm theo danh mục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/8/2016, Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 07/9/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (CSDLQGTTTHC);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP Nguyễn Văn Quân (VIC);
- Công TTĐT tỉnh (VIC);
- NNTN, CCHC (Đ87, VIC);
- Lưu: VT, M.A70/6.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hồng Quân

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC
ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CÀ MAU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 998/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*



Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I.	Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/08/2016		
1.	T-CMU-288038-TT	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	<p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và</p>
2.	T-CMU-288039-TT	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	
3.	T-CMU-288040-TT	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
4.	T-CMU-288041-TT	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	
5.	T-CMU-288042-TT	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	
6.	T-CMU-288043-TT	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản	
7.	T-CMU-288044-TT	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	
8.	T-CMU-288045-TT	Thủ tục gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	
9.	T-CMU-288046-TT	Thủ tục trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	

10.	T-CMU-288047-TT	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	<p>Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.</p>
11.	T-CMU-288048-TT	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	
12.	T-CMU-288049-TT	Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	
13.	T-CMU-288050-TT	Thủ tục cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
14.	T-CMU-288051-TT	Thủ tục trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
15.	T-CMU-288052-TT	Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản	



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
THỰC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CÀ MAU**

kèm theo Quyết định số: 998 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), sau đây viết tắt là “Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau”.</p> <p>2. Hoặc nộp trực tuyến tại Trang Một cửa điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, địa chỉ website http://sotnmt.dvctt.camau.gov.vn, nếu đủ điều kiện và có giá trị như nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện, sau đây viết tắt là “Trực tuyến”.</p> <p>3. Thời gian tiếp nhận vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.- Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.					
01	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	<ul style="list-style-type: none">- Tổng thời gian giải quyết đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 75 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật).- Tổng thời gian giải quyết đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: 30 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật).- Tổng thời gian giải quyết đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây	<ul style="list-style-type: none">- Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau;- Trực tuyến.	<p>* Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:</p> <p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:</p> <ul style="list-style-type: none">- Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm: 1.000.000 đồng/giấy phép.- Có công suất khai thác từ	<ul style="list-style-type: none">- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 của Quốc Hội (Luật Khoáng sản năm 2010);- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản (Nghị định	Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BTM-264979-TT” của Bộ Tài nguyên và Môi trường

	<p>dụng công trình: 57 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật).</p> <p>Thời gian nêu trên, cụ thể như sau:</p> <p>1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 01 ngày.</p> <p>2. Thời hạn thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: + Trong thời gian không quá 22 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa; + Trong thời gian không quá 06 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định; + Trong thời gian không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng 		<p>5.000 m³ đến 10.000 m³/năm: 10.000.000 đồng/giấy phép.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm: 15.000.000 đồng/giấy phép. <p>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm: 15.000.000 đồng/giấy phép. - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 này: 	<p>số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản (Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường); - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài
--	--	--	---	---

	<p>văn bản về các vấn đề liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý. Thời gian lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thẩm định.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 35 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Trong thời hạn không quá 18 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.</p> <p>- Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 45 ngày.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 10</p>		<p>20.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>- Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 thu này: 30.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 40.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của mục này:</p> <p>- Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 40.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>- Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 50.000.000 đồng/giấy</p>	<p>chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản (Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính);</p> <p>- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);</p> <p>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày</p>	
--	---	--	---	--	--

	<p>ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;</p> <p>+ Trong thời gian không quá 35 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>3. Thời hạn cấp giấy phép:</p> <p>- Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 10 ngày.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 04 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 06 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh</p>		<p>phép.</p> <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của mục này: 60.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 80.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 100.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p><i>* Đối với Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không mất phí, lệ phí.</i></p>	<p>09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính).</p>	
--	---	--	---	--	--

	<p>quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 10 ngày.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 04 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 06 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 10 ngày.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 04 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở</p>				
--	--	--	--	--	--

	<p>Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 06 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đối với giấy phép khai thác khoáng sản: trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác lần đầu.- Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản:				
--	---	--	--	--	--

		<p>trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.</p> <p>- Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: trong thời gian không quá 08 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.</p>				
02	<p>Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có</p>	<p>Tổng thời gian giải quyết: 49 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <p>1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày.</p> <p>2. Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 30 ngày:</p> <p>- Trong thời gian không quá 09 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích</p>	<p>- Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau;</p> <p>- Trực tuyến.</p>	Không.	<p>- Luật Khoáng sản năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BTM-264981-TT” của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

<p>thâm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình (đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch</p>	<p>khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra tại thực địa;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 21 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. <p>3. Thời hạn cấp Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 10 ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn không quá 04 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ đăng ký cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố nơi có dự án xây dựng công trình/ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch; - Trong thời hạn không quá 06 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoàn thành việc đăng ký. Trong trường hợp không đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 			<p>số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. 	
---	--	--	--	---	--

		<p>4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký khối lượng khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác.</p>				
03	<p>Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản</p>	<p>Không quá 10 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật).</p>	<p>Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau.</p>	<p>Không.</p>	<p>- Luật Khoáng sản năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BTM-264982-TT” của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

04	<p>Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản</p>	<p>Tổng thời gian giải quyết: 61 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá. - Trong thời gian không quá 25 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định. - Trong thời gian không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác 	<p>Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau.</p>	<p>Không.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường); - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài 	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BTM-264984-TT” của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
----	---	--	---	---------------	--	--

	<p>khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá ít nhất là 07 ngày. - Trong thời gian không quá 04 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 02 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá. 		<p>nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính.</p>	
--	--	--	--	--

05	<p>Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt</p>	<p>Tổng thời gian giải quyết: 49 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá. - Trong thời gian không quá 20 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định. - Trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác 	<p>Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau.</p>	<p>Không.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính. 	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BTM-264986-TT” của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
----	--	--	---	---------------	---	--

	<p>khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá ít nhất là 07 ngày. - Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 01 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá. 				
--	--	--	--	--	--

06	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>Tổng thời gian giải quyết: 80 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <p>1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 01 ngày.</p> <p>2. Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 55 ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi đề án thăm dò để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu và tổ chức thẩm định nội dung đề án thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời ý kiến của chuyên gia không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp nội dung đề án thăm dò khoáng sản phức tạp, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kỹ thuật để thẩm định đề án. Thời gian quyết định việc thành lập, họp Hội đồng kỹ thuật được tính vào thời gian tổ chức thẩm định đề án thăm dò khoáng sản. - Trong thời gian không quá 05 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Trực tuyến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định 	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
----	----------------------------------	--	---	---	---	---

		<p>ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các chuyên gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản kèm theo ý kiến góp ý của các chuyên gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thông qua nội dung đề án thăm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp cần thiết.</p> <p>- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thăm dò khoáng sản theo ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản. Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm</p>			<p>tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính.</p>	
--	--	--	--	--	--	--

	<p>dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.</p> <p>3. Thời hạn cấp Giấy phép thăm dò: 23 ngày:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trong thời hạn không quá 17 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn chỉnh theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định hồ sơ, đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép thăm dò cho Ủy ban nhân dân tỉnh.- Trong thời hạn không quá 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. <p>4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời hạn không quá 02 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò</p>				
--	--	--	--	--	--

		<p>khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.</p>				
07	<p>Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản</p>	<p>Tổng thời gian giải quyết: 28 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <p>1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời gian không quá 01 ngày.</p> <p>2. Thời hạn thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn. - Trong thời hạn không quá 15 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn. <p>3. Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép thăm dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi 	<p>- Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau;</p> <p>- Trực tuyến.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. 	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BTM-264992-TT” của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

		<p>trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.</p> <p>Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.</p>				
08	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	<p>Tổng thời gian giải quyết: 28 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <p>1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 01 ngày.</p> <p>2. Thời thăm định hồ sơ:</p>	<p>- Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau;</p> <p>- Trực</p>	<p>- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;</p> <p>- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;</p>	<p>- Luật Khoáng sản năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-</p>

	<p>- Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò.</p> <p>- Trong thời hạn không quá 15 ngày, phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng quyền thăm dò.</p> <p>3. Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò:</p> <p>- Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò.</p> <p>Trong trường hợp không cấp chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và</p>	tuyển.	<p>- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.</p>	<p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	BTM-264993-TT” của Bộ Tài nguyên và Môi trường
--	---	--------	--	---	--

		<p>nêu rõ lý do.</p> <p>4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời hạn không quá 01 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.</p>				
09	<p>Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản</p>	<p>Tổng thời gian giải quyết: 28 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <p>1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 01 ngày.</p> <p>2. Thời thẩm định giá hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản. - Trong thời hạn không quá 15 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Trực tuyến. 	Không.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. 	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BTM-264994-TT” của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

	<p>đến trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.</p> <p>3. Thời hạn giải quyết trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.- Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản. <p>Trong trường hợp không cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p>			
--	--	--	--	--

		Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.				
10	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	<p>Tổng thời gian giải quyết: 28 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <p>1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 01 ngày.</p> <p>2. Thời hạn thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn. - Trong thời hạn không quá 15 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Trực tuyến. 	<p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm: 500.000 đồng/giấy phép. - Có công suất khai thác từ 5.000 m³ đến 10.000 m³/năm: 5.000.000 đồng/giấy phép. - Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép. <p>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. 	Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ "B-BTM-264995-TT" của Bộ Tài nguyên và Môi trường

	<p>đến gia hạn.</p> <p>3. Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản. <p>Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.</p>	<p>thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 này: 10.000.000 đồng/giấy phép. - Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 này: 15.000.000 đồng/giấy phép. <p>3. Giấy phép khai thác khoáng</p>		
--	---	---	--	--

sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 20.000.000 đồng/giấy phép.

4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7:

- Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 20.000.000 đồng/giấy phép.

- Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 25.000.000 đồng/giấy phép.

5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6: 30.000.000 đồng/giấy.

6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 40.000.000 đồng/giấy phép.

7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 50.000.000 đồng/giấy phép.

11	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	<p>Tổng thời gian giải quyết: 28 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <p>1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 01 ngày.</p> <p>2. Thời hạn thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng. - Trong thời hạn không quá 15 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng <p>3. Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền khai thác khai thác khoáng sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ 	<p>- Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau;</p> <p>- Trực tuyến.</p>	<p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm: 500.000 đồng/giấy phép. - Có công suất khai thác từ 5.000 m³ đến 10.000 m³/năm: 5.000.000 đồng/giấy phép. - Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép. <p>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép. - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. 	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BTM-264996-TT” của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
----	--	--	--	--	---	--

	<p>sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép hoặc không cho phép chuyển nhượng.</p> <p>Trong trường hợp không cho phép chuyển nhượng thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản để nhận kết quả.</p>	<p>tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 này: 10.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>- Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 này: 15.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 20.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7:</p> <p>- Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 20.000.000</p>		
--	--	--	--	--

				<p>đồng/giấy phép.</p> <p>- Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 25.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6: 30.000.000 đồng/giấy.</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 40.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 50.000.000 đồng/giấy phép.</p>		
12	<p>Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản</p>	<p>Tổng thời gian giải quyết: 28 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <p>1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 01 ngày.</p> <p>2. Thời thẩm định hồ sơ:</p> <p>- Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại</p>	<p>- Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau;</p> <p>- Trực tuyến.</p>	<p>Không.</p>	<p>- Luật Khoáng sản năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ "B-BTM-264998-TT" của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

	<p>một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trong thời hạn không quá 15 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. <p>3. Thời hạn giải quyết trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.- Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. <p>Trong trường hợp không cho</p>				
--	--	--	--	--	--

		<p>phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản để nhận kết quả.</p>				
13	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	<p>Tổng thời gian giải quyết: 162 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <p>1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 02 ngày.</p> <p>2. Thời hạn kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản:</p> <p>- Trong thời gian không quá 25 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận, Sở Tài nguyên và Môi</p>	<p>Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau.</p>	<p>Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT):</p> <p>- Đến 01 tỷ đồng, mức thu: 10.000 đồng.</p> <p>- Trên 01 đến 10 tỷ đồng, mức thu: 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng).</p> <p>- Trên 10 đến 20 tỷ đồng, mức</p>	<p>- Luật Khoáng sản năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ "B-BTM-264999-TT" của Bộ Tài nguyên và</p>

	<p>trường có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết;</p> <p>- Trong thời gian không quá 40 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời của chuyên gia không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</p> <p>- Trong thời gian không quá 25 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.</p> <p>3. Thời hạn thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê</p>		<p>thu: 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng).</p> <p>- Trên 20 tỷ đồng, mức thu: 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng).</p>	<p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>Môi trường</p>
--	--	--	--	--	-------------------

	<p>duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 20 ngày, kể từ ngày hoàn thành nội dung công việc thẩm định hồ sơ, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật (nếu thành lập) tổ chức phiên họp Hội đồng. - Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng. <p>Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào</p>				
--	---	--	--	--	--

	<p>thời gian thẩm định báo cáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định. - Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. <p>4. Thời hạn thông báo và trả kết quả giải quyết hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian 02 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.</p>				
--	---	--	--	--	--

14	Đóng cửa mỏ khoáng sản	<p>Tổng thời gian giải quyết: 69 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <p>1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 01 ngày.</p> <p>2. Thời hạn thẩm định đề án đóng cửa mỏ: không quá 36 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trong thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày có Phiếu tiếp nhận hồ sơ cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ; lấy ý kiến nhận xét, phản biện của thành viên Hội đồng; mời đại diện thành viên Hội đồng tham gia kiểm tra thực địa (trong trường hợp cần thiết). Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tổ chức, cá nhân được gửi lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về nội dung đề án đóng cửa mỏ và các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn nêu trên, nếu không có văn bản trả lời coi như đã đồng ý.</p> <p>- Trong thời gian không quá 04 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến nhận xét, phản biện và cơ</p>	<p>- Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau;</p> <p>- Trực tuyến.</p>	Chưa quy định.	<p>- Luật Khoáng sản năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BTM-265002-TT” của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
----	------------------------	--	--	----------------	---	--

	<p>quan liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp ý kiến góp ý, lập tờ trình báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định để tổ chức phiên họp Hội đồng.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Hội đồng quyết định thời điểm tổ chức phiên họp Hội đồng.- Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp, Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoàn thành Biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ, trong đó nêu rõ lý do phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định.				
--	---	--	--	--	--

3. Thời hạn trình hồ sơ, đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:

- Trường hợp đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp Hội đồng hoặc nhận được văn bản bổ sung, hoàn chỉnh đề án của tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có), Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình, kèm theo hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ban hành quyết định phê duyệt đề án; trường hợp không phê duyệt đề án, phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Thời hạn trả kết quả phê duyệt đề án đóng cửa mỏ: Trong thời

		<p>gian không quá 02 ngày, kể từ khi nhận được quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.</p> <p>5. Thời hạn tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt: Thời gian căn cứ vào nội dung đề án đóng cửa mỏ được phê duyệt và không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>6. Thời hạn nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản: Trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xác nhận, hoàn trả tiền ký quỹ phục hồi môi trường, cơ quan khác có liên quan tổ chức kiểm tra thực địa để xác minh kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.</p>				
--	--	--	--	--	--	--

7. Thời hạn trình hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ: Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra thực địa về kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo quy định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

8. Thời hạn ban hành Quyết định đóng cửa mỏ: Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, trường hợp không đồng ý ban hành quyết định thì phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

9. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ khi nhận được Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

15	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	<p>Tổng thời gian giải quyết: 25 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <p>1. Kiểm tra hồ sơ: không quá 01 ngày.</p> <p>2. Thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa. - Trong thời gian không quá 12 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản. <p>3. Trình hồ sơ, quyết định cấp giấy phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Trực tuyến. 	Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01 giấy phép.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. 	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BTM-265003-TT” của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
----	--	---	---	---	---	--

		<p>- Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.</p>				
16	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	<p>Tổng thời gian giải quyết: 13 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <p>1. Kiểm tra hồ sơ: Không quá 01 ngày.</p> <p>2. Thẩm định hồ sơ:</p> <p>- Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp</p>	<p>- Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau;</p> <p>- Trực tuyến.</p>	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu: 2.500.000 đồng/01giấy phép.	<p>- Luật Khoáng sản năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ</p>	Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BTM-265004-TT”

	<p>nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn.</p> <p>- Trong thời hạn không quá 04 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn.</p> <p>3. Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:</p> <p>- Trong thời hạn không quá 02 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn không quá 03 ngày. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không đồng ý gia hạn giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p>		<p>trường Bộ Tài chính; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
--	--	--	---	--

		Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn để nhận kết quả.				
17	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	<p>Tổng thời gian giải quyết: 15 ngày (kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật), cụ thể như sau:</p> <p>1. Kiểm tra hồ sơ: không quá 01 ngày.</p> <p>2. Thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại. - Trong thời hạn không quá 04 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. <p>3. Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Trực tuyến. 	Không.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. 	Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BTM-265005-TT” của Bộ Tài nguyên và Môi trường

		<p>- Trong thời hạn không quá 04 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn không quá 03 ngày, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn để nhận kết quả.</p>				
18	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép	- Chậm nhất là 10 ngày làm việc, khi nhận được văn bản phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Cục thuế địa phương nơi có khu vực khoáng sản được cấp phép khai thác ra thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng	Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau.	Không.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;	Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-

	<p>khai thác khoáng sản đã được cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực)</p>	<p>sản theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP, gửi tổ chức, cá nhân được cấp quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Thời điểm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chậm nhất lần đầu là 90 (chín mươi) ngày tính từ ngày nhận được thông báo của Cục thuế địa phương; thời điểm các lần sau chậm nhất là ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo. Sau các thời điểm này, ngoài số tiền phải nộp theo thông báo, tổ chức, cá nhân còn phải nộp tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.</p>			<p>- Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.</p>	<p>BTM-265038-TT” của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
--	---	--	--	--	---	---

Tổng số có 18 thủ tục hành chính cấp tỉnh./.

**TRÍCH NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2528/QĐ-BTNMT NGÀY
18/10/2017 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Làm cơ sở để sao y, thực hiện công khai và hướng dẫn, tiếp nhận giải quyết
thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức tại trung tâm Giải quyết thủ tục
hành chính hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)*

II. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản

6. Thủ tục: Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ (bao gồm 02 trường hợp):

+ Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

Khi nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu.

Khi lựa chọn được hồ sơ của tổ chức, cá nhân để cấp phép thăm dò, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ và thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Đối với các tổ chức, cá nhân không được lựa chọn, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản về lý do không được lựa chọn.

+ Trường hợp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản:

Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu đáp ứng đúng theo quy định thì ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị thăm dò chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản kể cả kiểm tra thực địa;

+ Gửi văn bản đến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật khoáng sản;

+ Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ pháp lý, đề án thăm dò cho Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, họp thẩm định.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án hoặc phải lập lại đề án thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án kèm theo biên bản họp Hội đồng thẩm định.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Bước 5: Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả (giấy phép) và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc *thực hiện thông qua dịch vụ công trực tuyến.*

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu (nếu đủ điều kiện).

Thành phần hồ sơ:

1. Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản; bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản; đề án thăm dò khoáng sản.

2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; Kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa

thăm dò khoáng sản; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định như sau:

** Đối với doanh nghiệp mới thành lập gồm một trong các văn bản sau:*

- Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần hoặc của các thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên; điều lệ công ty đối với công ty cổ phần, sổ đăng ký thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

- Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức.

** Đối với doanh nghiệp đang hoạt động quy định như sau:*

- Đối với doanh nghiệp thành lập trong thời hạn 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: Nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Đối với doanh nghiệp thành lập trên 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: nộp bản sao Báo cáo tài chính của năm gần nhất.

** Đối với Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm một trong các văn bản sau:*

- Vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là tổng số vốn do thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật hợp tác xã;

- Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm vốn góp của thành viên, hợp tác xã thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Đề án thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

- Mẫu số 03: Đơn đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

- Mẫu số 22, phụ lục 2: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

- Mẫu số 07b: Quyết định về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật khoáng sản bao gồm:

- + Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp;
- + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã;
- + Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam.

* Được lựa chọn theo quy định tại Điều 36 của Luật khoáng sản; Điều 25 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

* Là tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò theo quy định của Luật khoáng sản; nếu tổ chức, cá nhân không có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản thì phải có hợp đồng với tổ chức đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản để tiếp tục thực hiện đề án thăm dò theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản và tại Chương III Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường bao gồm:

(1) Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản

- Doanh nghiệp thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Tổ chức khoa học và công nghệ thành lập theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo quy định của Luật hợp tác xã.
- Tổ chức sự nghiệp chuyên ngành địa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập có chức năng, nhiệm vụ thăm dò khoáng sản.

(2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản

- Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản quy định tại Điều 12 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP khi thi công đề án thăm dò khoáng sản phải có hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản, gồm:

+ Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Hợp đồng thi công đề án thăm dò khoáng sản với tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản, kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Danh sách cán bộ, công nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản; các hợp đồng lao động (hoặc văn bản tương đương) của người phụ trách kỹ thuật và công nhân kỹ thuật tham gia trực tiếp thi công đề án theo quy định;

+ Tài liệu của các cá nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) gồm: Quyết định giao nhiệm vụ cho người phụ trách kỹ thuật (sau đây được gọi là chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản) kèm theo văn bằng chứng chỉ ngành nghề, lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề án; hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng; quyết định bổ nhiệm chức danh hoặc giao nhiệm vụ; văn bằng chứng chỉ ngành nghề phù hợp với nhiệm vụ giao; bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

+ Danh mục các thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phù hợp với đề án thăm dò khoáng sản.

- Trường hợp đề án thăm dò khoáng sản do tổ chức có giấy phép thăm dò khoáng sản trực tiếp thi công thì phải có hồ sơ đáp ứng yêu cầu quy định tại dấu cộng thứ 3, 4, 5 mục (2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản..

- Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản được quản lý, lưu giữ tại tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản và tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

(3) Điều kiện đối với chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản

- Có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò đã công tác thực tế thăm dò trong khoáng sản ít nhất 05 năm; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động;

- Có văn bằng đào tạo trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành địa chất thăm dò khoáng sản hoặc tương đương; đối với đề án thăm dò nước khoáng, nước nóng là chuyên ngành địa chất thủy văn - địa chất công trình;

- Có kinh nghiệm tham gia thi công đề án điều tra địa chất, thăm dò khoáng sản tối thiểu 05 năm; có chứng chỉ chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản thực hiện nhiệm vụ thi công đề án thăm dò phải đáp ứng các điều kiện về thời gian kinh nghiệm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản và đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít

nhất 01 đề án thăm dò khoáng sản độc hại; đối với các đề án thăm dò khoáng sản khác, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò.

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ thực hiện chức trách khi có quyết định giao nhiệm vụ của tổ chức được phép thăm dò khoáng sản hoặc tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

- Trong cùng một thời gian, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ đảm nhận chức trách tối đa 02 đề án thăm dò khoáng sản. Khi lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản phải có thời gian chỉ đạo thi công ít nhất bằng 25% thời gian thi công đề án thăm dò được quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản.

(4) Điều kiện đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật thực hiện đề án thăm dò khoáng sản

- Đội ngũ công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành trắc địa, địa chất, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa vật lý, thi công công trình (khai đào, khoan) và các chuyên ngành khác có liên quan phải đáp ứng yêu cầu phù hợp về số lượng theo đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Các nhóm công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành khi thi công phải cử người phụ trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn và thời gian kinh nghiệm như sau:

+ Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian công tác tối thiểu 05 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 03 năm đối với người có trình độ đại học; trong đó, có ít nhất 01 năm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò đối với khoáng sản độc hại;

+ Đối với các đề án thăm dò khoáng sản còn lại, phải có thời gian làm việc tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 02 năm đối với người có trình độ đại học.

(5) Điều kiện về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản

- Thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phải đảm bảo số lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật đáp ứng với hạng mục, công việc trong đề án thăm dò đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Thăm dò khoáng sản phóng xạ, đất hiếm phải có thiết bị, công cụ chuyên dụng và đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành đáp ứng các yêu cầu về an toàn phóng xạ theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân.

* Khu vực đề nghị thăm dò có diện tích:

+ Không quá 50 kilômét vuông (km²) đối với đá quý, đá bán quý, khoáng sản kim loại, trừ bauxit;

+ Không quá 100 kilômét vuông (km^2) đối với than, bauxit, khoáng sản không kim loại ở đất liền có hoặc không có mặt nước, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 200 kilômét vuông (km^2) đối với khoáng sản các loại ở thềm lục địa, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 02 kilômét vuông (km^2) ở đất liền, không quá 01 kilômét vuông (km^2) ở vùng có mặt nước đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 02 kilômét vuông (km^2) đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

* Khu vực đề nghị thăm dò:

+ Không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp và không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia hoặc khu vực đang được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản cùng loại với khoáng sản xin cấp giấy phép thăm dò;

* Đề án thăm dò phù hợp với quy hoạch khoáng sản; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản;

* Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng vốn đầu tư thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 01. Đề án thăm dò khoáng sản

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản)

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

Địa danh, Năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản)

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)

- KS Trắc địa...

- KS ĐCTV-ĐCCT

- KS Khoan....

.....

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh, Năm 20...

A. NỘI DUNG ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

- Những căn cứ pháp lý để lập đề án và đối tượng khoáng sản.
- Mục tiêu, nhiệm vụ đề án.
- Cơ sở tài liệu để lập đề án (nêu rõ và mô tả chi tiết những tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập Đề án).
- Quá trình xây dựng đề án, tổ chức và các cá nhân tham gia lập đề án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU THĂM DÒ

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên-kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò. Thông tin về các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản khoáng sản trong khu vực.
- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

3. Đánh giá hiện trạng, kết quả nghiên cứu khu vực thăm dò

- Nêu rõ hiện trạng mức độ đầu tư, khai thác trong khu vực thăm dò.
- Đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa chất vùng:

Trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, magma, khoáng sản có trong vùng xung quanh khu vực thăm dò.

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực thăm dò

- Các tiền đề, dấu hiệu có liên quan đến đối tượng khoáng sản thăm dò.
- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực thăm dò.
- Mức độ nghiên cứu từng thân khoáng sản.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Các quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản thăm dò.
- Cơ sở tài liệu, số liệu ban đầu về loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; tính chất vật lý của đối tượng khoáng sản thăm dò; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, điều kiện thi công;
- Dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công

trình thăm dò với đối tượng khoáng sản; đề xuất lựa chọn mạng lưới, tổ hợp phương pháp thăm dò.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình chủ yếu

Tất cả các phương pháp, hạng mục công việc thiết kế phải làm rõ mục đích yêu cầu, số lượng, khối lượng; cách thức thực hiện chi tiết theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện và lập bảng tổng hợp chung. Các công trình thiết kế phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

Các phương pháp chủ yếu:

- Công tác trắc địa: bao gồm trắc địa địa hình và trắc địa công trình (tỷ lệ phụ thuộc vào diện tích và mục tiêu thăm dò).
- Phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản (tỷ lệ phụ thuộc vào đặc điểm đối tượng thăm dò).
- Phương pháp địa hoá (tùy thuộc loại khoáng sản thăm dò).
- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc vào đặc tính vật lý, loại khoáng sản thăm dò).
- Thi công công trình khai đào (đụn vét lộ, hào, hố, giếng, lò), khoan.
- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích, kiểm soát chất lượng mẫu.
- Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình.
- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.
- Công tác văn phòng, lập báo cáo tổng kết.

CHƯƠNG 4

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp giảm thiểu khi thực hiện đề án thăm dò.
- Đối với các mỏ phóng xạ và đi kèm phóng xạ: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phóng xạ theo luật năng lượng nguyên tử hiện hành (mỏ Urani, thori ...).
- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công đề án thăm dò.

CHƯƠNG 5

DỰ TÍNH TRỮ LƯỢNG

Trình bày dự kiến chi tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoanh vẽ thân quặng, dự tính trữ lượng các cấp dự kiến đạt được trong diện tích thăm dò.

CHƯƠNG 6

TỔ CHỨC THI CÔNG

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế-kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong đề án phải lập kế hoạch, tiến độ, thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành.

Thời gian thi công để hoàn thành các hạng mục và khối lượng thăm dò kể từ ngày được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản; thời gian lập báo cáo thăm dò, dự kiến trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản; thời gian lập dự án đầu

tu khai thác khoáng sản (Đây là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền cấp phép thăm dò xác định thời hạn của Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật khoáng sản).

CHƯƠNG 7

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Đặc điểm khoáng sản (hình thái, chất lượng quặng).
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công Đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

DANH MỤC BẢN VẼ KÈM THEO

TÀI LIỆU THAM KHẢO

B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Sơ đồ lịch sử nghiên cứu.
- Bản đồ địa chất vùng.
- Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò.
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến.
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

C. CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập đề án.
- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập đề án thăm dò.

Mẫu số 03. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:..... Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm...do... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... do ... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp/Quyết định thành lập văn phòng đại diện số ngày ... tháng ... năm ... do...(cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện) cấp (đối với doanh nghiệp nước ngoài).

Đề nghị được thăm dò khoáng sản (tên khoáng sản).....tại xã....., huyện..... tỉnh.....;

Diện tích thăm dò:.....ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc..... có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò kèm theo Đơn này.

Chiều sâu thăm dò: từ.....đến mức.....m.

Thời gian thăm dò: tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế kỹ thuật số, ngày..... tháng...năm... với ... (tên tổ chức lập đề án thăm dò) (trong trường hợp chủ đầu tư không có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản).

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

Đối với trường hợp đề nghị cấp phép thăm dò nước khoáng, nước nóng thiên nhiên cần bổ sung thông tin về công trình thăm dò theo các thông số:

Số hiệu C.sâu Tọa độ Ghi chú

GK (m) X Y

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 22 - Phụ lục 2. Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...

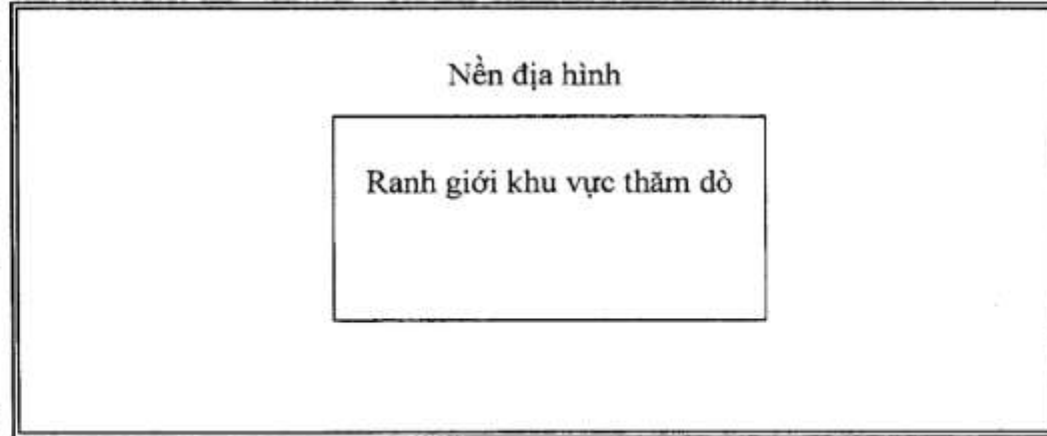
BẢN ĐỒ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
(Kèm theo Giấy phép thăm dò số...../GP-BTNMT/UBND ngày....
tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Ủy ban nhân dân
tỉnh/ thành phố ...)

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		



Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tỷ lệ:.....

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ...,
kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu...”

Mẫu số 07b. Quyết định về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**UBND TỈNH/THÀNH
PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...

- Căn cứ quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Căn cứ Biên bản đấu giá của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tổ chức ngày...tháng...năm 20...

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố...),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác (tên, loại khoáng sản) tại khu vực: (vị trí, tọa độ, diện tích khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản)

1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá:

2. Giá trúng đấu giá:đồng (% mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).

3. Thời gian nộp tiền trúng đấu giá

4. Diện tích huyện (tên huyện) chiếm ...%. Diện tích huyện (tên huyện) chiếm...%.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá phải nộp hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản trước ngày...tháng...năm 20...

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và thẩm định hồ sơ theo quy định cấp phép, trình cấp phép...

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- (Tên tổ chức, cá nhân trúng đấu giá);
- Tổng cục ĐC&KSVN;
- Lưu: HS, VT. ().

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**
(Ký tên, đóng dấu)